

第 2 コート

トリム 15歳以上

後期交流会 I

北スポーツセンター

2023/10/8

| グループ | チーム名    | Vamos 2                               | フロッグ                       | 中川クラブ                       | Stings                      | 楠西                                    | 勝負    | 得失セット | 得点率   | 順位 |
|------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------|-------|-------|----|
| B    | Vamos 2 | -                                     | 2 ① 0<br>15 - 8<br>15 - 11 | 2 ⑥ 0<br>15 - 12<br>15 - 13 | 0 ⑨ 2<br>11 - 15<br>11 - 15 | 2 ③ 1<br>15 - 6<br>14 - 15<br>15 - 13 | 3 - 1 | 6 - 3 | 1.167 | 3  |
|      | フロッグ    | 0 ① 2<br>8 - 15<br>11 - 15            | -                          | 0 ④ 2<br>11 - 15<br>8 - 15  | 0 ⑦ 2<br>9 - 15<br>6 - 15   | 2 ⑩ 0<br>15 - 13<br>15 - 9            | 1 - 3 | 2 - 6 | 0.741 | 4  |
|      | 中川クラブ   | 0 ⑥ 2<br>12 - 15<br>13 - 15           | 2 ④ 0<br>15 - 11<br>15 - 8 | -                           | 2 ② 0<br>15 - 11<br>15 - 14 | 2 ⑧ 0<br>15 - 9<br>15 - 8             | 3 - 1 | 6 - 2 | 1.264 | 2  |
|      | Stings  | 2 ⑨ 0<br>15 - 11<br>15 - 11           | 2 ⑦ 0<br>15 - 9<br>15 - 6  | 0 ② 2<br>11 - 15<br>14 - 15 | -                           | 2 ⑤ 0<br>15 - 6<br>15 - 8             | 3 - 1 | 6 - 2 | 1.420 | 1  |
|      | 楠西      | 1 ③ 2<br>6 - 15<br>15 - 14<br>13 - 15 | 0 ⑩ 2<br>13 - 15<br>9 - 15 | 0 ⑧ 2<br>9 - 15<br>8 - 15   | 0 ⑤ 2<br>6 - 15<br>8 - 15   | -                                     | 0 - 4 | 1 - 8 | 0.649 | 5  |

